

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮKMIL
TỈNH ĐẮKNÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2023/DS-ST

Ngày: 09-05-2023

*“V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Âu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiến Tịnh và ông Nguyễn Duy Chấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuyến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 208/2022/TLST-DS ngày 22 tháng 12 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2023/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 3 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2023/QĐST-DS ngày 17/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Ngô Thị L, sinh năm 1978 – Có đơn xin xét xử vắng mặt.
Địa chỉ: Thôn Đức A, xã Thuận A1, huyện M, tỉnh Đắc Nông.

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị B, sinh năm 1981 – Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Thuận S, xã Thuận A1, huyện M, tỉnh Đắc Nông.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông Phạm Văn C – Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Thuận S, xã Thuận A1, huyện M, tỉnh Đắc Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án Nguyên đơn Bà Ngô Thị L trình bày: Bà Ngô Thị L cho Bà Trần Thị B vay tiền nhiều lần, ngày 20/10/2020 hai bên thống nhất lập giấy vay nợ tổng số tiền 10.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất trong giấy vay nhưng có thỏa thuận miệng, hẹn thời hạn thanh toán là ngày 20/11/2020 nhưng đến hạn bà B không trả cho bà L số tiền nào. Khi vay chỉ có bà L và bà B, chồng bà L tuy có ghi tên trong giấy vay nhưng không tham gia quan hệ vay tiền, chồng bà B cũng không tham gia vào quan hệ vay tiền. Nay bà L khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị B trả số tiền 10.000.000 đồng, không yêu cầu ông C trả, yêu cầu trả lãi suất chậm trả 0.83%/tháng tính từ ngày chậm thực hiện nghĩa vụ, ngày 20/11/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Trong quá trình tố tụng bị đơn Bà Trần Thị B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành tốt các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật về nghĩa vụ của mình, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 357, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Bà Trần Thị B phải trả cho Bà Ngô Thị L số tiền 10.000.000 đồng và lãi suất chậm trả với mức 0.83%/tháng tính từ ngày 20/11/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Buộc Bà Trần Thị B chịu lãi suất chậm trả và án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Các tài liệu, chứng cứ bao gồm: 01 giấy vay tiền lập ngày 20/10/2020 (Bản gốc); CMND, sổ hộ khẩu của nguyên đơn (Bản sao y chứng thực) do nguyên đơn cung cấp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn Bà Ngô Thị L khởi kiện yêu cầu Bà Trần Thị B trả tiền, phát sinh tranh chấp từ hợp đồng vay tài sản theo Điều 463 của Bộ luật dân sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng vay tài sản là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn Bà Trần Thị B có hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn Thuận S, xã Thuận A1, huyện M, tỉnh Đắk Nông do đó Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Đắk Nông thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về xét xử vắng mặt bị đơn: Bà Trần Thị B và ông Phạm Văn C đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chứng cứ nguyên đơn cung cấp là bản gốc giấy vay tiền ngày 20/10/2020 (Âm lịch) có chữ ký xác nhận của Bà Trần Thị B. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết bà B không hợp tác làm việc, do đó bà B phải chịu hậu quả của việc không chứng minh được theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự. Xét thỏa thuận theo hợp đồng vay tiền ngày 20/10/2020 của các bên được xác lập trên cơ sở tự nguyện, hình thức và nội dung không trái quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Nguyên đơn khai là hợp đồng vay tiền có lãi (thỏa thuận miệng) nhưng không cung cấp được chứng cứ nào khác chứng minh và cũng không có yêu cầu tính lãi suất trong hạn, do đó Hội đồng xét xử xác định đây là hợp đồng vay tiền có thời hạn và không có lãi. Đến hạn trả tiền ngày 20/11/2020, bà B không trả nợ là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo khoản 1 và khoản 4 Điều 466 của Bộ luật dân sự:

Khoản 1 và khoản 4 Điều 466 của Bộ luật dân sự quy định:

“1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

.....

4. Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác”.

Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền gốc 10.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả với mức lãi suất 0.83%/tháng tính từ ngày 20/11/2020 đến ngày xét xử, nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi suất chậm trả từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ đến khi xét xử sơ thẩm là 02

năm 06 tháng 19 ngày là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận, cụ thể số tiền lãi cần buộc bị đơn trả cho nguyên đơn là: $10.000.000 \times 0.83\% \times 02 \text{ năm } 06 \text{ tháng } 19 \text{ ngày} = 2.551.000 \text{ đồng}$.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; áp dụng Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Ngô Thị L. Buộc Bà Trần Thị B phải trả cho Bà Ngô Thị L số tiền 12.551.000đ (*Mười hai triệu năm trăm năm mươi một nghìn đồng*), trong đó tiền gốc 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*) và tiền lãi 2.551.000đ (*Hai triệu năm trăm năm mươi một nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.

2. Về án phí: Buộc Bà Trần Thị B phải nộp 628.000đ (*Sáu trăm hai mươi tám nghìn đồng*) án phí Dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Bà Ngô Thị L số tiền tạm ứng án phí đã nộp 310.000đ (*Ba trăm mười nghìn đồng*) theo biên lai số 0007044 ngày 20/12/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn; Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Mil;
- Chi cục THADS huyện Đắk Mil;
- Đường sự;
- Lưu HS, VT.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký tên và đóng dấu)
Nguyễn Thị Hải Âu